



AR-25-VD-178609-01 / EUVNH-00368027- Trang : 1 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam) - KCX Linh Trung 2

KCX Linh Trung 2, Phường Tam Bình

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2509160022-MT

Mã số mẫu : 743-2025-00175323

Tên mẫu :

Nước tại vòi lấy mẫu nước thành phẩm – Nhà máy cấp nước KCX Linh Trung 2

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong can nhựa

Ngày nhận mẫu :

16/09/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 23/09/2025

Thời gian thử nghiệm :

17/09/2025 - 22/09/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                                              | ĐƠN VỊ                | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                | KẾT QUẢ                        | QCVN<br>01-1:2024/<br>BYT |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|
| 1   | VD1NE VD (a) <i>Escherichia coli</i>                                             | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | < 1                       |
| 2   | VD1NC VD (a) <i>Coliforms</i>                                                    | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | < 1                       |
| 3   | VD840 VD (a) Clo dư                                                              | mg/ l                 | SMEWW 4500 CI B:2023                           | 0.67                           | -                         |
| 4   | VD911 VD (a) Amon (As)                                                           | mg/ l                 | SMEWW 3125B:2023; SMEWW<br>3030E:2023          | Không phát hiện<br>(LOD=0.001) | 0.01                      |
| 5   | VD144 VD (a) Độ màu                                                              | TCU                   | SMEWW 2120C:2023                               | Không phát hiện<br>(LOD=4)     | 15                        |
| 6   | VD239 VD (a) pH                                                                  |                       | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008)             | 6.50                           | -                         |
| 7   | VD237 VD (a) Chỉ số permanganat                                                  | mg O <sub>2</sub> / l | TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)                 | Phát hiện vết(<0.6)            | 2                         |
| 8   | VD307 VD (a) Độ đục                                                              | NTU                   | SMEWW 2130B:2023                               | Phát hiện vết(<0.9)            | 2                         |
| 9   | VD1R0 VD (a) Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/ l                 | EPA 350.2                                      | Không phát hiện<br>(LOD=0.02)  | 1                         |
| 10  | VD56G VD (m) Mùi                                                                 |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2150B:2023) | Không có mùi lạ                | -                         |
| 11  | VD56I VD (m) Vị                                                                  |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2160B:2023) | Không có vị lạ                 | -                         |

Phát hiện vết: kết quả  $\geq$  LOD và  $<$  LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

- : Không áp dụng giá trị so sánh đối với chỉ tiêu này.



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 23/09/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 23/09/2025.

**Ghi chú giải thích**

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



AR-25-VD-178610-01 / EUVNH-00368027- Trang : 1 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam) - KCX Linh Trung 2

KCX Linh Trung 2, Phường Tam Bình

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2509160022-MT

Mã số mẫu : 743-2025-00175324

Tên mẫu :

Nước tại vòi xả giữa mạng lưới cấp nước Linh Trung 2

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong can nhựa

Ngày nhận mẫu :

16/09/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 23/09/2025

Thời gian thử nghiệm :

17/09/2025 - 22/09/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                                              | ĐƠN VỊ                | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                | KẾT QUẢ                        | QCVN<br>01-1:2024/<br>BYT |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|
| 1   | VD1NE VD (a) <i>Escherichia coli</i>                                             | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | < 1                       |
| 2   | VD1NC VD (a) <i>Coliforms</i>                                                    | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | < 1                       |
| 3   | VD840 VD (a) Clo dư                                                              | mg/ l                 | SMEWW 4500 Cl B:2023                           | 0.60                           | -                         |
| 4   | VD911 VD (a) Amon (As)                                                           | mg/ l                 | SMEWW 3125B:2023; SMEWW<br>3030E:2023          | Không phát hiện<br>(LOD=0.001) | 0.01                      |
| 5   | VD144 VD (a) Độ màu                                                              | TCU                   | SMEWW 2120C:2023                               | Không phát hiện<br>(LOD=4)     | 15                        |
| 6   | VD239 VD (a) pH                                                                  |                       | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008)             | 6.43                           | -                         |
| 7   | VD237 VD (a) Chỉ số permanganat                                                  | mg O <sub>2</sub> / l | TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)                 | Phát hiện vết(<0.6)            | 2                         |
| 8   | VD307 VD (a) Độ đục                                                              | NTU                   | SMEWW 2130B:2023                               | Phát hiện vết(<0.9)            | 2                         |
| 9   | VD1R0 VD (a) Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/ l                 | EPA 350.2                                      | Không phát hiện<br>(LOD=0.02)  | 1                         |
| 10  | VD56G VD (m) Mùi                                                                 |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2150B:2023) | Không có mùi lạ                | -                         |
| 11  | VD56I VD (m) Vị                                                                  |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2160B:2023) | Không có vị lạ                 | -                         |

Phát hiện vết: kết quả  $\geq$  LOD và  $<$  LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

- : Không áp dụng giá trị so sánh đối với chỉ tiêu này.



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 23/09/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 23/09/2025.

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ky Hai Dang xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sack Ky Hai Dang.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



AR-25-VD-178611-01 / EUVNH-00368027- Trang : 1 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam) - KCX Linh Trung 2

KCX Linh Trung 2, Phường Tam Bình

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : M73P2509160022-MT

Mã số mẫu : 743-2025-00175325

Tên mẫu :

Nước tại vòi xả cuối mạng lưới cấp nước Linh Trung 2

Tình trạng mẫu :

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hoá lý đựng trong can nhựa

Ngày nhận mẫu :

16/09/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 23/09/2025

Thời gian thử nghiệm :

17/09/2025 - 22/09/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                                              | ĐƠN VỊ                | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                | KẾT QUẢ                        | QCVN<br>01-1:2024/<br>BYT |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|
| 1   | VD1NE VD (a) <i>Escherichia coli</i>                                             | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | < 1                       |
| 2   | VD1NC VD (a) <i>Coliforms</i>                                                    | cfu/ 100 ml           | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016                     | Không phát hiện<br>(LOD=1)     | < 1                       |
| 3   | VD840 VD (a) Clo dư                                                              | mg/ l                 | SMEWW 4500 Cl B:2023                           | 0.56                           | -                         |
| 4   | VD911 VD (a) Amon (As)                                                           | mg/ l                 | SMEWW 3125B:2023; SMEWW<br>3030E:2023          | Không phát hiện<br>(LOD=0.001) | 0.01                      |
| 5   | VD144 VD (a) Độ màu                                                              | TCU                   | SMEWW 2120C:2023                               | Không phát hiện<br>(LOD=4)     | 15                        |
| 6   | VD239 VD (a) pH                                                                  |                       | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008)             | 6.42                           | -                         |
| 7   | VD237 VD (a) Chỉ số permanganat                                                  | mg O <sub>2</sub> / l | TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)                 | Phát hiện vết(<0.6)            | 2                         |
| 8   | VD307 VD (a) Độ đục                                                              | NTU                   | SMEWW 2130B:2023                               | Phát hiện vết(<0.9)            | 2                         |
| 9   | VD1R0 VD (a) Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/ l                 | EPA 350.2                                      | Không phát hiện<br>(LOD=0.02)  | 1                         |
| 10  | VD56G VD (m) Mùi                                                                 |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2150B:2023) | Không có mùi lạ                | -                         |
| 11  | VD56I VD (m) Vị                                                                  |                       | EVN-R-RD-2- TP-5329 (Ref.<br>SMEWW 2160B:2023) | Không có vị lạ                 | -                         |

Phát hiện vết: kết quả  $\geq$  LOD và  $<$  LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

- : Không áp dụng giá trị so sánh đối với chỉ tiêu này.



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 23/09/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 23/09/2025.

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ky Hai Dang xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sack Ky Hai Dang.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.